

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2020/HN&GD-ST

Ngày: 23 – 6 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc
2. Ông Nguyễn Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 03/2020/TLST-HN&GD ngày 02 tháng 01 năm 2020, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HN&GD ngày 05 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HN&GD, ngày 22/5/2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 18/2020/TBMPT-HN&GD, ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã Y, huyện D, tỉnh E.

2. Bị đơn: Anh Hồ Tấn C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số nhà F, đường số G, thôn M, xã N, huyện L, tỉnh X.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1960.

Nơi cư trú: Số nhà F, đường số G, thôn M, xã N, huyện L, tỉnh X.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Hồ Tấn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện D, tỉnh E, số giấy chứng nhận kết hôn 86, quyền số 02/2010, đăng ký ngày 24/5/2010. Quá trình chung sống giữa chị và anh Hồ Tấn C xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông Hồ Tấn C ham mê cờ bạc, ham chơi, gần đây anh còn công khai quan hệ tình cảm với người khác, chị và gia đình anh C đã động viên, khuyên nhủ mong anh C quay lại với chị để nuôi con nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C nữa, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Hồ Gia K, sinh ngày 16/8/2011, Hồ Tuấn S, sinh ngày 12/3/2015 và Hồ Phúc V, sinh ngày 12/4/2018. Hiện tại cháu K đang sống với bà nội của cháu là Phạm Thị H, trú tại: Số nhà F, đường số G, thôn M, xã N, huyện L, tỉnh X; Còn hai cháu nhỏ do chị đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu nuôi hết 03 cháu, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp. Về án phí DSST: Chị đồng ý chịu toàn bộ án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 04/3/2020 và tại phiên tòa, mẹ ruột của anh Hồ Tấn C là bà Phạm Thị H, trình bày như sau: Hiện nay anh C đang đăng ký hộ khẩu chung với vợ chồng bà tại xã N, nhưng anh C đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, việc Tòa án giao giấy triệu tập cho anh C thì bà đã giao lại cho anh C nhưng anh không chịu đến Tòa án. Về mâu thuẫn giữa anh C và chị L là do anh C ham chơi, cờ bạc, bà khuyên nhủ nhiều lần không được nên bà đồng ý cho chị L ly hôn anh C. Về con chung của chị L, anh C thì như chị L trình bày là đúng sự thật. Hiện tại cháu K đang ở chung với bà tại xã N. Nếu chị L mong muốn được nuôi cháu K và dẫn cháu về ở chung với chị L thì bà cũng đồng ý giao lại cháu K cho chị L. Trường hợp chị L nuôi không nổi thì giao lại cho bà, bà cũng đồng ý nuôi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[4] Nội dung vụ án:

[a] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Tấn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện D, tỉnh E, số giấy chứng nhận kết hôn 86, quyển số 02/2010, đăng ký ngày 24/5/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, đã có 03 con chung, nhưng anh C không biết quan tâm, vun đắp cho hạnh phúc gia đình mà thường xuyên ham chơi, bỏ bê vợ con. Đến nay anh chị ly thân đã lâu, gia đình cũng đã hàn gắn nhiều lần cho anh, chị nhưng không thành. Chị L khởi kiện để ly hôn anh, Tòa án đã triệu tập anh nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án. Điều này cho thấy anh C đã không còn yêu thương chị L nữa nên bỏ mặc cho chị L muốn làm gì thì làm. Xét thấy cuộc hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn, nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị và các con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị ly hôn anh C là phù hợp.

[b] Về con chung: Hiện tại hai cháu S và V còn nhỏ nên giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu K đã trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, anh C cũng không có ý kiến tranh chấp nuôi con. Do đó, xem xét giao 03 con chung cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi và điều kiện cho các cháu phát triển tốt. Hiện tại cháu K đang sống với bà Phạm Thị H, cần xem xét buộc bà H giao cháu K lại cho chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không cần xem xét trong bản án này. Nếu sau này chị L có yêu cầu thì sẽ được thụ lý, giải quyết bằng quyết định hoặc bản án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị L là người yêu cầu ly hôn, chị phải chịu toàn bộ án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Hồ Tấn C.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung là Hồ Gia K, sinh ngày 16/8/2011, Hồ Tuấn S, sinh ngày 12/3/2015 và Hồ Phúc V, sinh ngày: 12/4/2018.

Buộc bà Phạm Thị H giao cháu Hồ Gia K lại cho chị Nguyễn Thị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003288 ngày 31 tháng 12 năm 2019. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (23/6/2020), báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã X,
- huyện D, tỉnh E;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà